

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2017/HSST

Ngày 30-7-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đặng Thị Ngọc Loan
- Các Hội thẩm: Ông Đặng Quang Hoạch và ông Từ Đức Bình

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Tấn Phát - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà: Ông Phùng Đức Nam, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở nhà văn hóa ấp P, xã B, huyện T, Tòa án nhân dân huyện Tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự T lý số 93/2017/HSST, ngày 14/7/2017 đối với bị cáo:

Mẫn Văn T - Sinh năm: 1993. - Tại: Thái Nguyên.

Nơi đăng ký HKTT: ấp L, xã T, TP. B, tỉnh Đồng Nai.

Trú tại: ấp T, xã P, TP. B, tỉnh Đồng Nai.

Dân tộc: kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không.

Nghề nghiệp: không; Học vấn: 12/12

Cha bị cáo: Mẫn Văn H, sinh năm 1970; Mẹ bị cáo: Lê Thị T, sinh năm 1973.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt ngày 12/5/2017. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trảng Bom. (có mặt)

Người bị hại: Anh Đồng Văn T, sinh năm 1968

Trú tại: Số 24, ấp P, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Tiến V, sinh năm 1970

Địa chỉ: Tổ 30, Kp. 8, P. L, B, Đồng Nai. (có mặt)

NHẬN THẤY:

- Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 28/4/2017, Mẫn Văn T trên đường đi bộ về nhà ngang qua khu vực đường ray xe lửa thuộc ấp P, xã B, huyện T thì phát hiện chiếc xe ô tô hiệu Daewoo Lacetti màu xám bạc biển số 60A – 106.21 của anh Đồng Văn T để bên lề đường gần cổng nhà anh T. T quan sát thấy cửa kính xe ô tô không kéo lên, chìa khóa vẫn cắm trên ổ khóa điện, không có người trông coi nên T nảy sinh ý định trộm cắp xe ô tô. T mở cửa xe, vào trong bật khóa điện, nổ máy chạy ra khu vực nghĩa trang ấp B, xã B vào quán nước ven đường ngồi xem có ai đuổi theo hay không. Khoảng 30 phút sau, T lên xe tiếp tục chạy về B thuê nhà nghỉ để ở. Tại đây, T kiểm tra thấy bên trong xe có 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 60A-106.21, 01 giấy chứng nhận kiểm định, 01 biên lai thu phí đường bộ, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm đứng tên Dương Thị Thanh L, 01 giấy mua bán xe 60A-106.21, 02 Card visit dịch vụ du lịch Đồng Tiến, 01 giấy phép lái xe, 01 giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ, 01 giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất số CC 728044 kèm theo 01 hợp đồng chuyển nhượng, 01 đơn xin tách thửa, 01 tờ trích lục kèm theo đứng tên Đồng Văn T. Các giấy tờ trên T cất giữ trên xe.

Ngày 09/5/2017, do cần tiền tiêu xài, T nhờ anh Nguyễn Văn L, trú tại xã Phước Tân, TP B tìm nơi cầm xe ô tô. Anh L dẫn T đến gặp anh Nguyễn Tiến V, trú tại khu phố 8, phường L, TP B cầm cố xe ô tô 60A-106.21 để vay anh V số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng). T giao xe, giấy chứng nhận đăng ký xe, giấy chứng nhận đăng kiểm, chứng minh nhân dân (phô tô) tên Mẫn Văn T, 01 sổ hộ khẩu có tên Mẫn Văn T (bản sao công chứng), 01 giấy mua bán xe ô tô 60A-106.21.

Ngày 12/5/2017, anh V sử dụng chiếc xe ô tô 60A-106.21 lưu thông qua địa bàn huyện T thì bị Công an huyện T phát hiện, giữ xe ô tô 60A-106.21 để điều tra. Tại Cơ quan điều tra, Mẫn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp do mình gây ra.

Vật chứng thu giữ:

01 xe ô tô biển số 60A-106.21, 01 giấy mua bán xe, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 60A-106.21, 01 giấy chứng nhận kiểm định, 01 biên lai thu phí đường bộ, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm đứng tên Dương Thị Thanh L, 02 Card visit dịch vụ du lịch Đ, 01 giấy phép lái xe, 01 giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ, 01 giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất số CC 728044 kèm theo 01 hợp đồng chuyển nhượng, 01 đơn xin tách thửa, 01 tờ trích lục kèm theo đứng tên Đồng Văn T.

Ngày 19/5/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân huyện T kết luận: chiếc xe ô tô hiệu Daewoo Lacetti màu xám bạc biển số 60A – 106.21 trị giá 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) (Bút lục 26, 27).

Cơ quan điều tra đã trả lại toàn bộ tài sản trên cho anh T và anh T không yêu

cầu gì thêm về phần dân sự (Bút lục 22, 23).

Đối với anh Nguyễn Văn L và anh Nguyễn Tiến V, khi anh Nguyễn Văn L dẫn bị cáo đi cầm xe và khi anh Nguyễn Tiến V nhận cầm xe của bị cáo T, các anh không biết xe là tài sản do trộm cắp mà có nên không có cơ sở truy cứu trách nhiệm hình sự.

Anh Nguyễn Tiến V yêu cầu Mẫn Văn T trả lại cho anh số tiền 70.000.000 đồng (Bút lục 78).

Tại bản Cáo trạng số 105/CT/VKS-HS, ngày 13/7/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom đã truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm e khoản 2, điều 138 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

- Tuyên bố bị cáo phạm tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 138 BLHS

- Xử phạt bị cáo: từ 04 đến 05 năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự: đề nghị Tòa buộc bị cáo Mẫn Văn T phải trả lại cho anh Nguyễn Tiến V số tiền 70.000.000 đồng.

- Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY:

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận về hành vi phạm tội của mình như trên đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan và vật chứng trong vụ án. Thể hiện, vào khoảng 15 giờ ngày 28/4/2017, tại khu vực đường ray xe lửa thuộc ấp P, xã B, huyện T, Mẫn Văn T đã lén lút trộm cắp 01 xe ô tô hiệu Daewoo Lacetti màu xám bạc biển số 60A – 106.21 của anh Đồng Văn T, trị giá 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng). Do đó, đã có đủ căn cứ kết luận hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm e khoản 2 điều 138 Bộ Luật Hình sự.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của anh Đồng Văn T được pháp luật bảo vệ.

Xét nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm p khoản 1 điều 46 của Bộ luật hình sự.

Về biện pháp tư pháp:

- Anh Đồng Văn T đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Anh Nguyễn Tiến V yêu cầu bị cáo trả lại cho anh số tiền bị cáo đã vay là 70.000.000 đồng, căn cứ vào Điều 42 Bộ luật Hình sự cần buộc bị cáo trả lại cho anh V số tiền này.

- Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị nêu trên của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom thì thấy cơ bản phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Mẫn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm e khoản 2 điều 138; điểm p khoản 1 điều 46 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/5/2017.

2. Về biện pháp tư pháp:

Áp dụng điều 42 Bộ luật Hình sự buộc bị cáo Mẫn Văn T phải trả cho anh Nguyễn Tiến V số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày anh Nguyễn Tiến V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Mẫn Văn T chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự cho anh V.

3. Về án phí:

Áp dụng điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 buộc bị cáo Mẫn Văn T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Trảng Bom;
- Bộ phận T.H.A hình sự;
- T.H.A.H.S Công an tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Ngọc Loan